

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 58/2019/HNGĐ - ST
Ngày 12-9-2019
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH, TỈNH THANH HÓA

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Đình Tâm
2. Ông Đặng Văn Thuận

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Hùng – Thư ký Tòa án, TAND huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Hàn Văn Vinh – Kiểm sát viên

Ngày 12/9/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành xét xử công khai vụ án thụ lý số:110/2019/TLST- HNGĐ ngày 03/6/2019 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/8/2019 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T; Sinh năm: 1987

Địa chỉ: Thôn 2, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Có mặt tại phiên tòa.

2.Bị đơn: Chị Hà Thị M; Sinh năm: 1987

HKTT: Thôn 2, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Bản P, xã M, huyện B, tỉnh Sơn La.

Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 07/5/2019, trong bản tự khai ngày 04/6/2019 và tại phiên tòa hôm nay, anh Nguyễn Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Hà Thị M kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 10/5/2011 tại Ủy ban nhân dân (Sau đây viết tắt là UBND) xã M, huyện B, tỉnh Sơn La. Sau ngày cưới, vợ chồng hòa thuận đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi cọ. Thời gian kéo dài khiến cho hai vợ chồng đều cảm thấy mệt mỏi, chán nản, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Chị M đã về nhà bố mẹ đẻ từ đầu năm 2018 và vợ chồng ly thân từ đó, không còn quan tâm gì đến

nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị M.

Về con cái: Vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn Thị Hà L, sinh ngày 07/7/2012 và Nguyễn Hà Ngọc C, sinh ngày 24/04/2018. Ly hôn, anh yêu cầu được giao hai con cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, anh cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị M mỗi tháng cho mỗi cháu số tiền là 750.000đ (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Hai cháu là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản : Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 05/7/2019, chị Hà Thị M trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 10/5/2011 tại UBND xã M, huyện B, tỉnh Sơn La. Sau ngày cưới, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Tý không làm tròn bổn phận của một người chồng, một người cha, không biết quan tâm đến gia đình và vợ con. Bản thân anh T đi làm nhưng không gửi tiền về cho chị nuôi con. Ngoài ra, anh T còn có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác. Không chịu được cuộc sống như vậy nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ từ năm 2018 đến nay và vợ chồng ly thân từ đó, không còn quan tâm gì đến nay nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con cái: Vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn Thị Hà L, sinh ngày 07/7/2012 và Nguyễn Hà Ngọc C, sinh ngày 24/04/2018. Ly hôn, chị M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng cho mỗi cháu số tiền là 750.000đ (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Hai cháu là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ, thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Xét thấy giữa anh T và chị M mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, nay cả anh T và chị M đều yêu cầu giải quyết cho ly hôn, nghĩ nên chấp yêu cầu của anh Tý và chị M. Đề nghị áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Về hôn nhân, xử cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Hà Thị M. Về con cái, giao con chung là cháu Nguyễn Thị Hà L, sinh ngày 07/7/2012 và Nguyễn Hà Ngọc C, sinh ngày 24/04/2018 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, anh T cấp dưỡng nuôi chung cùng chị M mỗi tháng cho mỗi cháu là 750.000đ (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Hai cháu là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

Về tố tụng:

[1]. Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình có con chưa thành niên và trong quá trình giải quyết vụ án, do các bên đương sự chưa thống nhất được các vấn đề tranh chấp trong vụ án nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng như Viện kiểm sát được biết.

[2]. Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho các đương sự nhưng chị M không có mặt. Do đó, Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vắng mặt chị M và đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho chị M theo quy định tại khoản 3 Điều 210 Bộ luật tố tụng dân sự (Viết tắt là BLTTDS).

[3]. Tòa án cũng đã triệu tập họp lệ chị M đến phiên hoà giải hai lần nhưng chị M đều không đến để tham gia hoà giải nên Tòa án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 BLTTDS.

[4]. Tại phiên tòa hôm nay, chị M vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt chị M.

[5]. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Hà Thị M kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 10/5/2011 tại UBND xã M, huyện B, tỉnh Sơn La và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân gia đình, như vậy là hôn nhân hợp pháp và thuộc thẩm và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định Điều 28 BLTTDS. Sau ngày cưới, vợ chồng hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng tình tình không hòa hợp, không hiểu và thông cảm cho nhau những lúc khó khăn và không tin tưởng nhau trong chuyện tình cảm nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Hiện tại anh T và chị M đã sống ly thân từ đầu năm 2018 đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Việc này, cả anh T và chị M đều thừa nhận và đã được các cấp chính quyền xã T xác nhận. Đồng thời cũng phù hợp với nội dung mà Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương. Nay cả anh T và chị M đều yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, nghĩ nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho anh T và chị M được ly hôn.

[6]. Về con cái: Vợ chồng có hai con chung. Ly hôn, cả anh T và chị M đều yêu cầu được giao cả hai con cho chị M được trực tiếp nuôi dưỡng, anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị M mỗi tháng cho mỗi cháu số tiền là 750.000đ (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Hai cháu là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng. Xét thấy cháu L và cháu C đều là con gái, lại đang còn rất nhỏ nên ở với mẹ sẽ là phù hợp về mặt tình cảm và giới tính. Do đó, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của anh T và chị M, giao cả hai con cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị M mỗi tháng cho mỗi cháu số tiền là 750.000đ (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Hai cháu là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng.

[6].Về tài sản: Anh T và chị M không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

[7].Về án phí: Anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 BLTTDS; Điều 6; Khoản 1 Điều 24; Điểm a, khoản 5, điểm a khoản 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Hà Thị M.

2. Về con cái: Giao con chung là cháu Nguyễn Thị Hà L, sinh ngày 07/7/2012 và Nguyễn Hà Ngọc C, sinh ngày 24/04/2018 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị M mỗi tháng cho mỗi cháu số tiền là 750.000đ (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Hai cháu là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 9/2019 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi các đương sự có yêu cầu khác. Khoản tiền cấp dưỡng được thi hành ngay mặc dù bản án có thể bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Anh T có quyền qua lại trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Kể từ khi chị M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chưa thi hành án khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì hàng tháng anh T còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357; Khoản 2 Điều 468 BLDS trên số tiền phải thi hành án, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí DSST về việc cấp dưỡng nuôi con, nhưng được trừ vào số tiền anh T đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự Thạch Thành, theo biên lai số: AA/2016/0003657 ngày 31/5/2019. Anh T còn phải nộp tiếp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt anh Nguyễn Văn T vắng mặt chị Hà Thị M. Anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị M có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhân :

- Các đương sự
- VKSND Thạch Thành;
- UBND xã M;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Cúc

